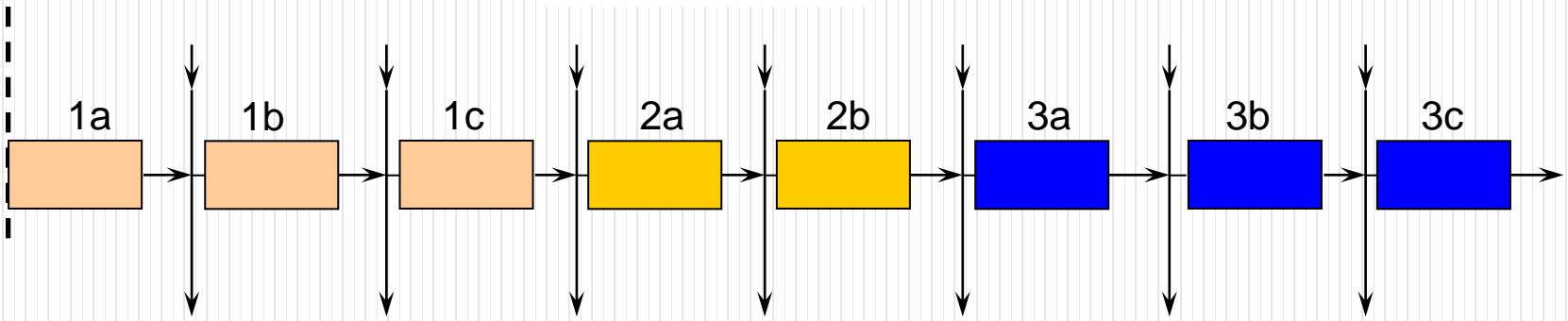
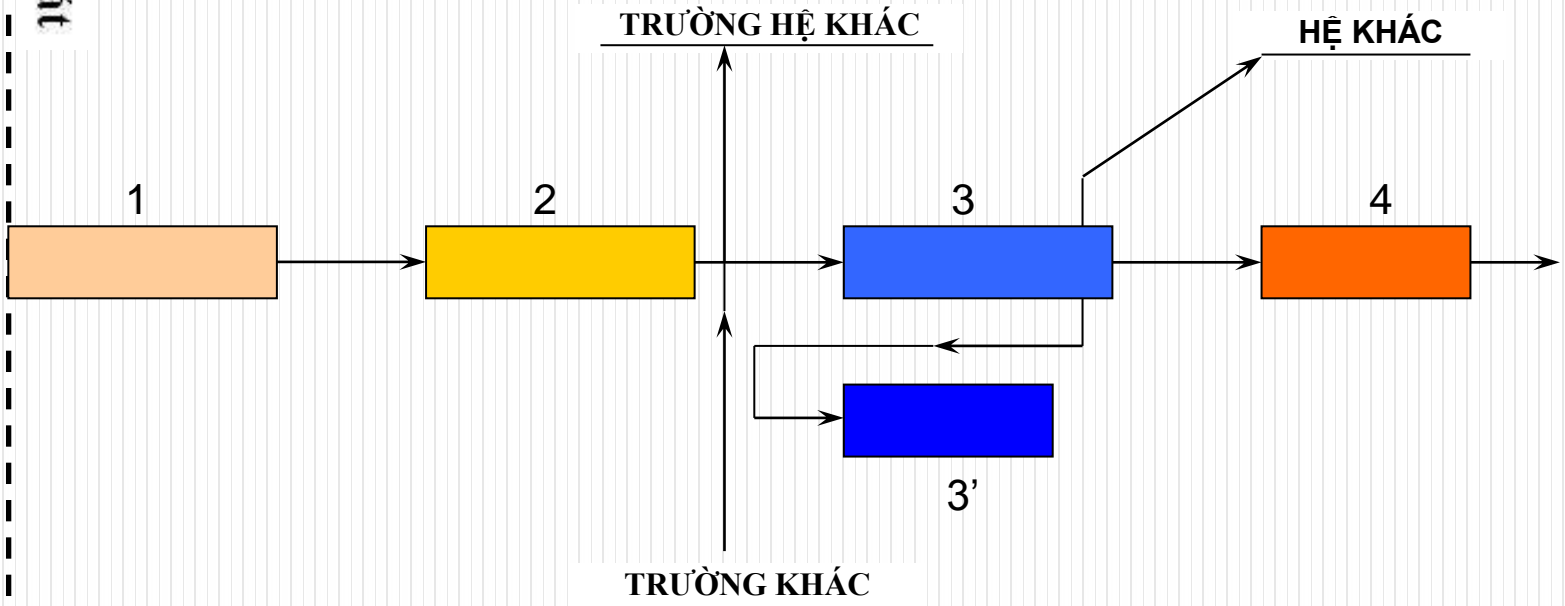
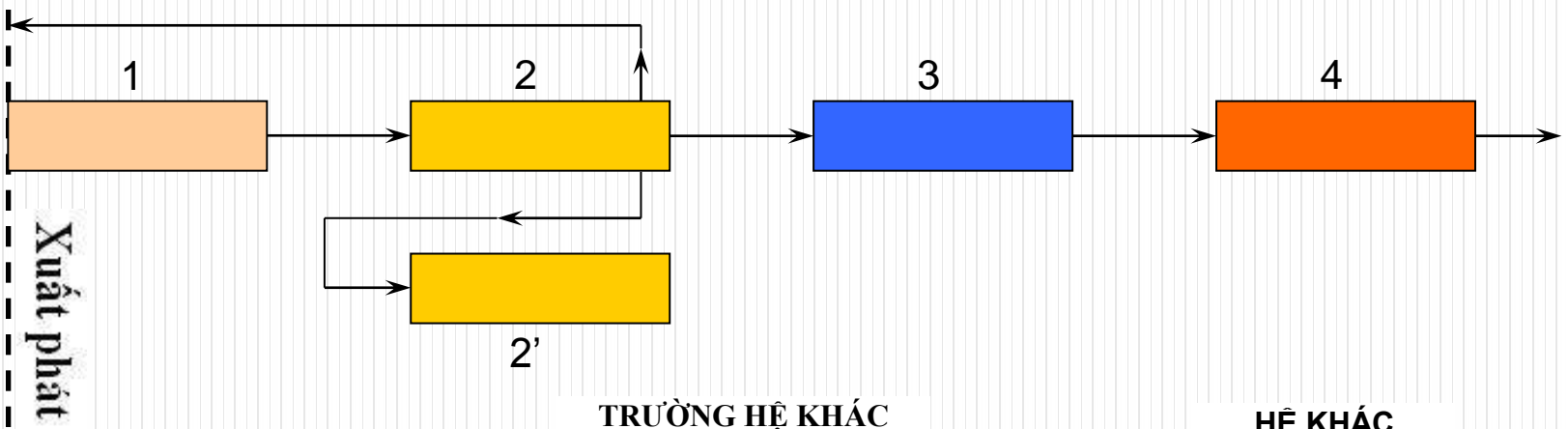


# **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

**TS. Lê Viết Khuyến  
Ban hỗ trợ chất lượng GDĐH -  
Hiệp hội các trường ĐH&CD  
ngoài công lập Việt Nam**

# KHÁC BIỆT CƠ BẢN GIỮA 2 HỆ NIÊN CHẾ VÀ TÍN CHỈ

Hệ niên chế	Hệ tín chỉ
<b>1. Người học tích lũy kiến thức và kỹ năng</b>	
Theo năm học	Theo môn học
<b>2. Phương thức tổ chức quá trình giảng dạy</b>	
<i>Mô hình Châu Âu cổ điển:</i> Lớp học tổ chức theo 1 chương trình và quy trình chung áp dụng nhất loạt cho mọi người học	<i>Mô hình Bắc Mỹ:</i> Người học được lựa chọn chương trình và quy trình học phù hợp với ý định, khả năng và điều kiện của mình



# CĂN CỨ PHÁP LÝ

- 1. Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 6/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ** về Chương trình hành động của Chính phủ (2005-2010) thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa XI kỳ họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục:
  - ...Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách quy chế đào tạo, tuyển sinh theo hướng mở rộng áp dụng học chế tín chỉ trong đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp,...
- 2. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ** về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020:
  - ...Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài.

# CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1. Đòi hỏi sinh viên phải tích lũy kiến thức theo từng học phần (đơn vị: tín chỉ).
2. Kiến thức cấu trúc thành các mô đun (học phần)
3. Quy định khối lượng kiến thức phải tích lũy cho từng văn bằng. Xếp năm học của người học theo khối lượng tín chỉ tích lũy.
4. Chương trình đào tạo mềm dẻo: cùng với các học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn=> cho phép sinh viên dễ dàng điều chỉnh nội dung đào tạo

5. Đánh giá thường xuyên, thang điểm chữ, điểm trung bình tốt nghiệp  $\geq 2.00$
6. Dạy học lấy sinh viên làm trung tâm
7. **Đơn vị học vụ là học kỳ**. Mỗi năm có thể chia thành 2 học kỳ (15 tuần), 3 học kỳ (15 tuần) hoặc 4 học kỳ (10 tuần)
8. **Ghi danh học đầu mỗi học kỳ, lớp học tổ chức theo mỗi học phần.**
9. Có hệ thống cố vấn học tập
10. Có thể tuyển sinh theo học kỳ
11. **Không thi tốt nghiệp, không tổ chức bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đối với các chương trình đại học hoặc cao đẳng**
12. Chỉ có 1 văn bằng chính quy đối với 2 loại hình tập trung và không tập trung

# **ĐỊNH NGHĨA TÍN CHỈ**

- **Tín chỉ được tính bằng 2 cách:**
  - 1. Qua số giờ tiếp xúc (tiết học)**
  - 2. Qua số giờ làm việc**

# ĐỊNH NGHĨA TÍN CHỈ QUA SỐ GIỜ TIẾP XÚC

**1 tín chỉ (credit) = 15 tiết giảng lý thuyết hoặc thảo luận; hoặc**  
**= 30-45 giờ thực nghiệm; hoặc**  
**= 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc**  
**= 45-60 giờ tự học hoặc chuẩn bị đồ án, khóa luận**



# ĐỊNH NGHĨA TÍN CHỈ QUA SỐ GIỜ LÀM VIỆC

**1 tín chỉ (credit)  $\geq$  45 giờ làm việc (hw)**

Trong đó:

**1 giờ làm việc  $\geq$  50 phút làm việc trên lớp (giờ tiếp xúc hoặc tiết học); hoặc**

**$\geq$  60 phút làm việc cá nhân (giờ)**

- Tương quan giữa thời lượng làm việc trên lớp và thời lượng làm việc cá nhân trong mỗi tín chỉ thay đổi tùy thuộc loại hình học tập (nghe giảng, thảo luận, thực hành, làm bài tập, chuẩn bị đồ án,...)
- Số giờ tiếp xúc của 1 tín chỉ phải bằng bội số của số tuần thực học trong 1 học kỳ
- Kết quả làm việc cá nhân phải được kiểm soát và đánh giá.

# THÍ DỤ ĐỊNH NGHĨA TÍN CHỈ QUA SỐ GIỜ LÀM VIỆC

- **Tín chỉ (credit)** được tính bằng 1 tiết dự giảng (50 phút) trong 1 tuần lễ, cùng với 2 giờ chuẩn bị của sinh viên; hoặc là 2 tiết seminar trong 1 tuần lễ, cùng với 1 giờ chuẩn bị của sinh viên; hoặc là 3 giờ thực hành phòng thí nghiệm trong 1 tuần lễ; tất cả đều kéo dài trong 15 tuần lễ thực học.

# SO SÁNH TÍN CHỈ VỚI ĐƠN VỊ HỌC TRÌNH

1. Đơn vị học trình = 15 tiết lên lớp  
15 giờ làm việc cá nhân

---

30 tiết/giờ

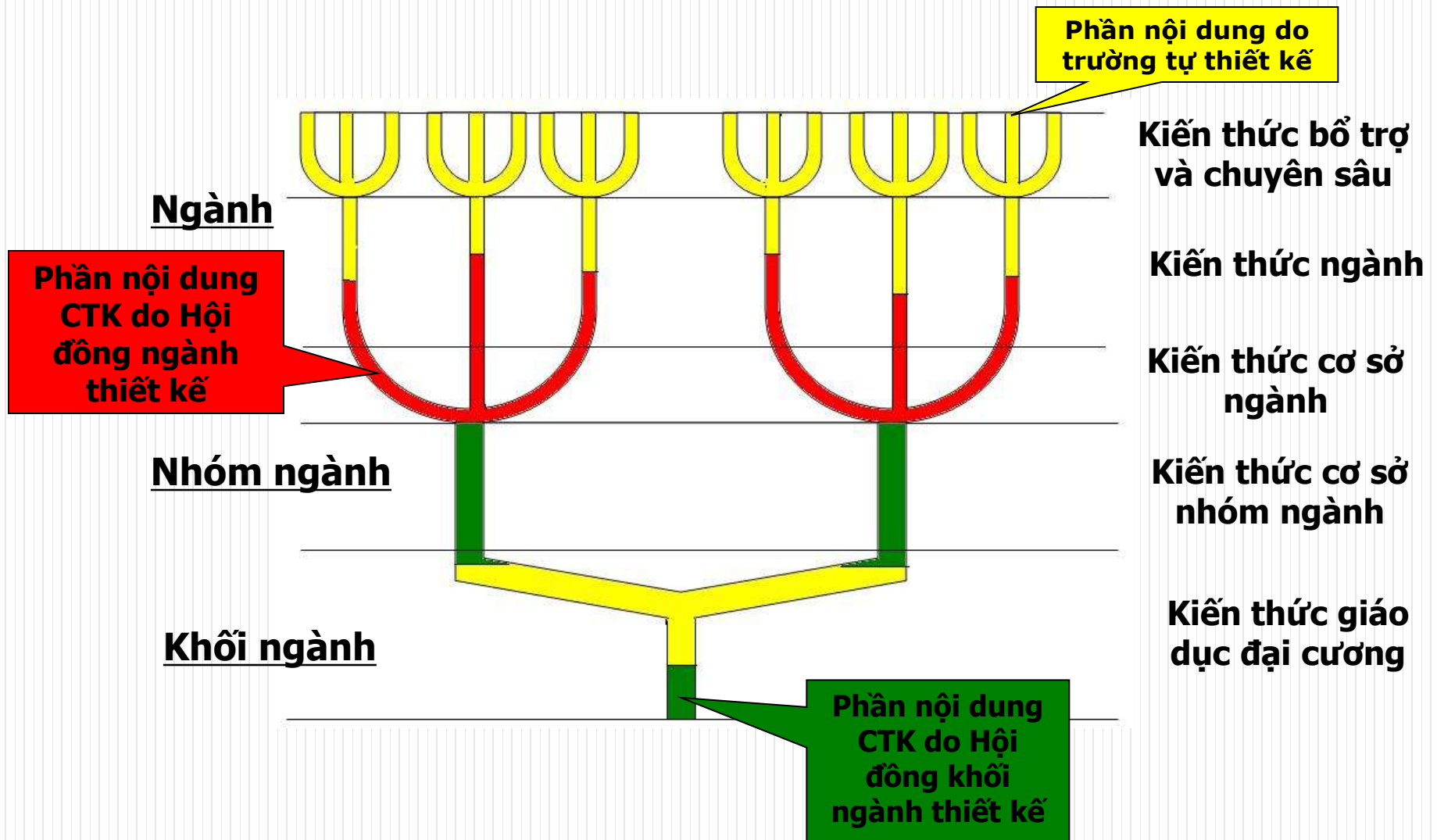
2. Tín chỉ = 15 tiết lên lớp  
30 giờ làm việc cá nhân

---

45 tiết/giờ

 **1 tín chỉ  $\approx$  1,5 đơn vị học trình**

# Cấu trúc chương trình dưới dạng modun



# Kỹ thuật thiết kế học phần

- Chia cắt cơ học
- Tích hợp kiến thức ở cùng một mức trình độ
- Cấu trúc đồng tâm ở các mức trình độ khác nhau,

Khối lượng trung bình mỗi học phần: 3 tín chỉ (hoặc 4-5 ĐVHT)

# **NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ KIẾN THỨC THÀNH CÁC HỌC PHẦN**

## **- Phân bố theo mức năm học thiết kế**

Đại cương hoặc nhập môn (mã 100, 200)

Nâng cao (mã 300, 400)

Sau đại học (mã 500-800)

## **- Xác định các học phần chung cho nhiều chương trình, nhiều ngành**

## **- Có các học phần đặc thù cho từng ngành**

# **KẾT CẤU HỌC PHẦN**

- 1. Phân bố số tín chỉ cho từng dạng học tập của sinh viên: nghe giảng, thảo luận, phụ đạo, thực hành PTN, thực tập cơ sở, điền dã, chuẩn bị đồ án,...**
- 2. Phân bố số tiết/tuần lễ cho các dạng học tập trên lớp hoặc ở PTN.**
- 3. Dự tính thời lượng (tổng số giờ) cho các dạng học tập ngoài lớp ( thực tập cơ sở, điền dã, làm việc cá nhân,...)**

# Thí dụ về đánh giá quá trình

**MGT371 H1S – Introduction to Information Systems (2 Cr.)  
(University of Toronto – Canada)**

## **Determination of Grades:**

	<u>Value</u>
1) Class Participation	5%
2) Case Assignment	5%
3) Process Model Assignment	10%
4) Project Proposal	5%
5) Project Report	15%
6) Project Presentation	5%
7) Mid-Term Test	15%
8) Final Exam	<u>40%</u>
	100%



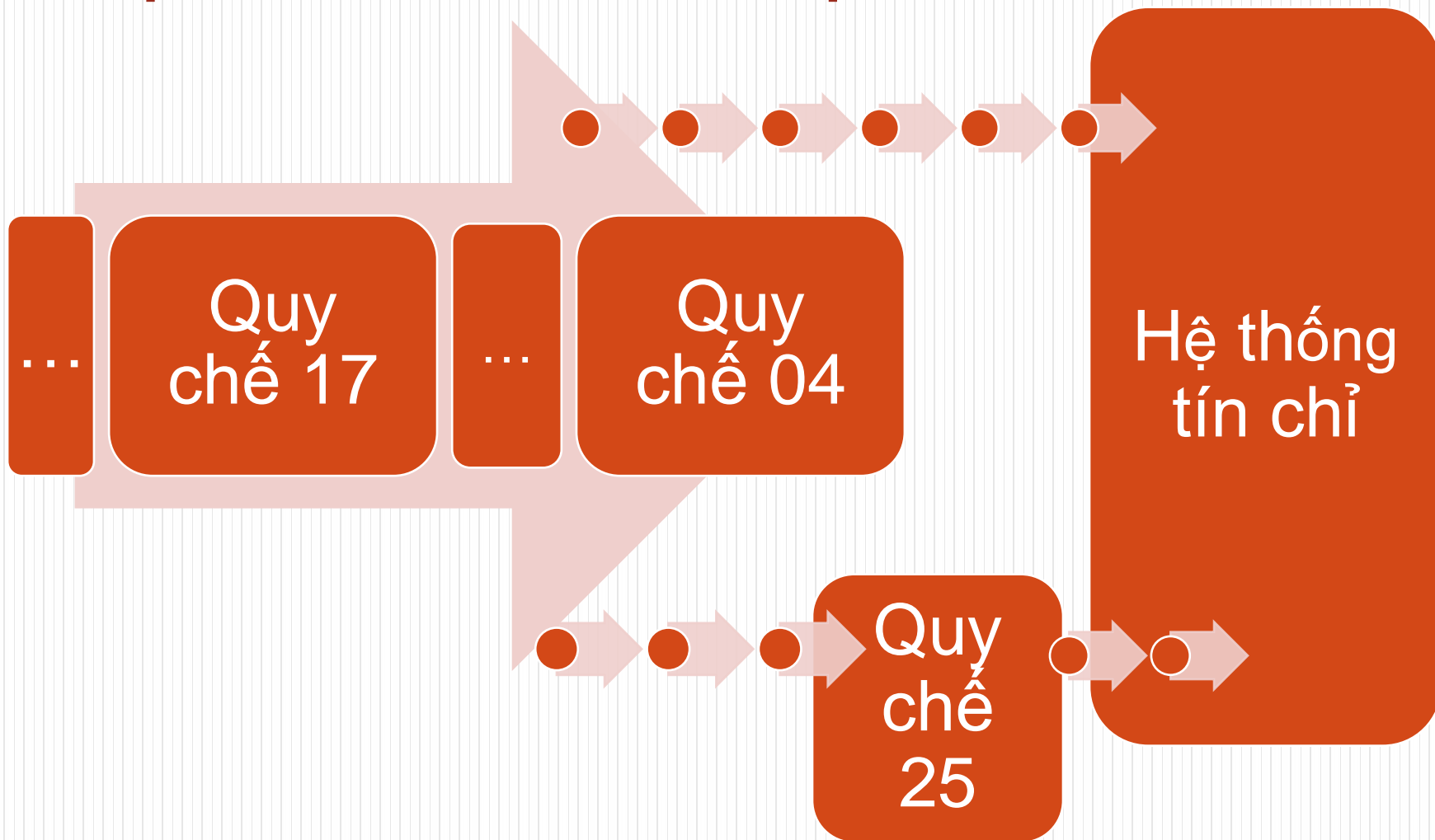
# Thang điểm

<b>Điểm chữ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Điểm số</b>
A	90-100%	4
B	80-89%	3
C	70-79%	2
D	60-69%	1
F	<60%	0
<b>GPA <math>\geq</math> 2.00</b>		

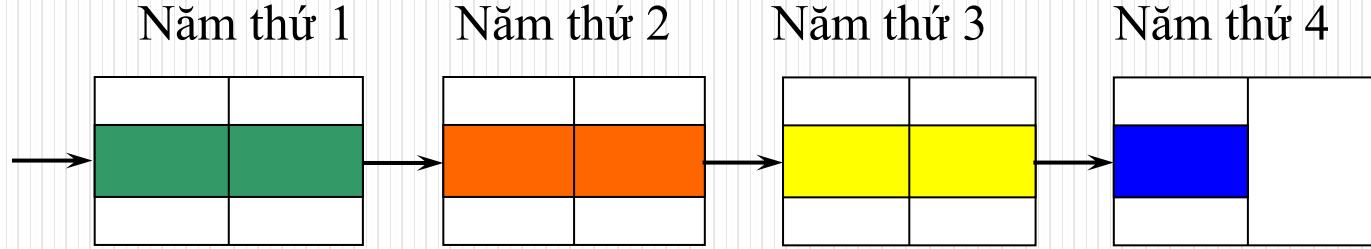
# YÊU CẦU TRIỂN KHAI HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1. Có sự thống nhất quan điểm ở mọi cấp
2. Ổn định và công khai hóa chương trình đào tạo
3. Thay đổi phương pháp dạy và học (học tích cực)
4. Phát triển hệ thống tài liệu học tập
5. Phòng đào tạo thống nhất quản lý mọi hoạt động đào tạo
6. Thay đổi phương thức quản lý sinh viên (xây dựng hệ thống cố vấn học tập)
7. Lịch giảng dạy được triển khai nghiêm túc
8. Giảng viên phải dạy được nhiều học phần, 1 học phần được nhiều giảng viên dạy
9. Thu học phí tỷ lệ với khối lượng các học phần đăng ký học
10. Cải tạo cơ sở hạ tầng, thư viện
11. Điều chỉnh lại bộ máy tổ chức
12. Điều chỉnh lại chính sách, chế độ đối với giảng viên

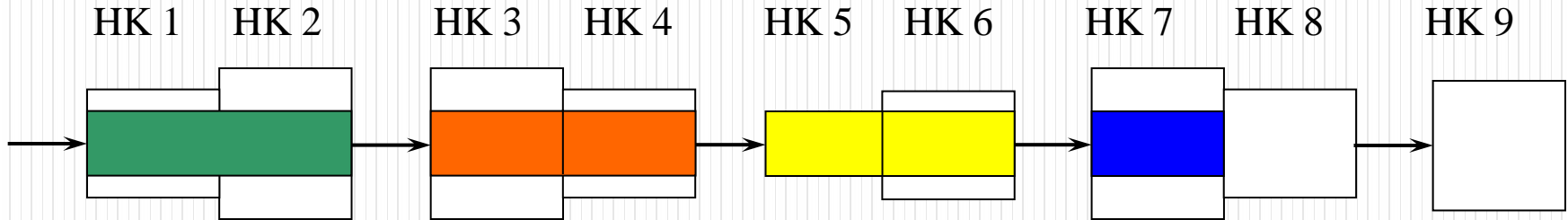
# LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI HỆ THỐNG TÍN CHỈ



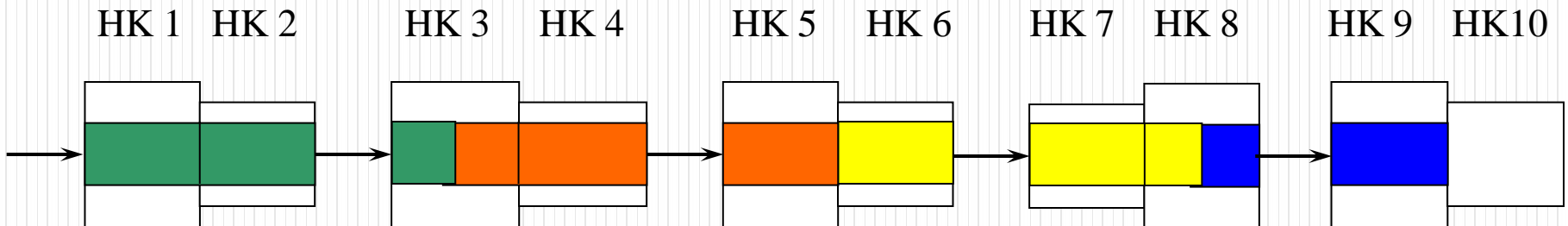
## NĂM HỌC THIẾT KẾ (cho khoá học)



## NĂM HỌC THỰC TẾ (cho từng sinh viên)



## NĂM HỌC THỰC TẾ (cho từng sinh viên)



# Tiến trình đào tạo



## BS in Information and Computer Technology Information Technology Concentration 2006 Catalog

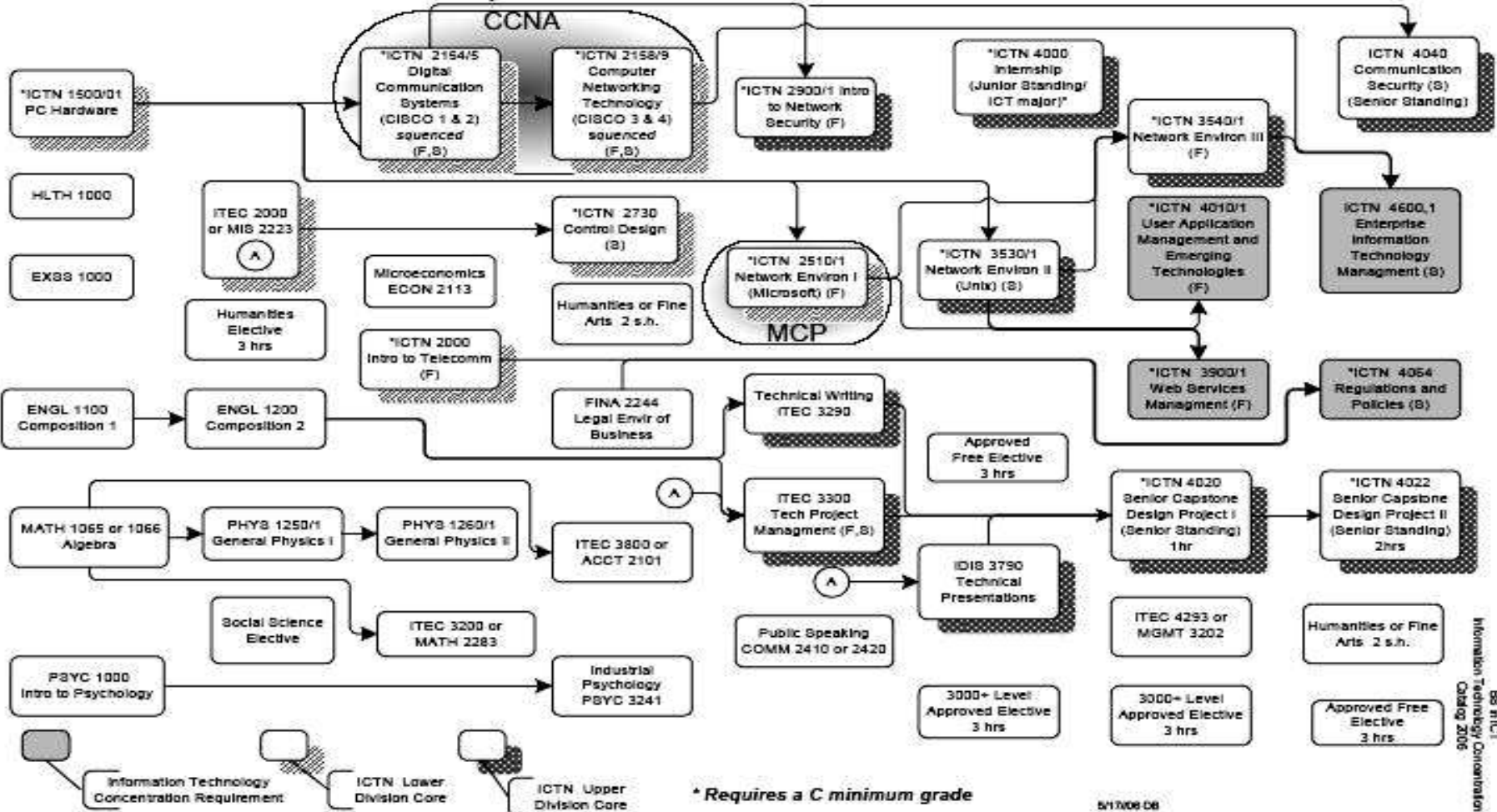


Freshman

Sophomore

Department of Technology Systems  
Junior

Senior



# Một vài khuyến cáo

- 1.** Không nên xem hệ thống tín chỉ chỉ thích hợp với các trường “giàu”. Các trường “nghèo” càng cần phải triển khai sớm hệ thống tín chỉ.
- 2.** Không nôn nóng. Từng trường phải xác lập được lộ trình riêng cho mình để đi từ quy chế 25 tới quy chế 43.
- 3.** Không vội giảm thời lượng lên lớp (tức chuyển đơn vị học trình qua tín chỉ) khi chưa thay đổi được phương pháp dạy học.
- 4.** Tham khảo kinh nghiệm của trường bạn là cần thiết, nhưng không bắt chước rập khuôn.
- 5.** Chỉ mua phần mềm quản lý khi đã ổn định được quy trình đào tạo.

## THAY CHO KẾT LUẬN

...Để bảo đảm cho hệ thống giáo dục đại học của một quốc gia chuyển đổi thành công sang hệ thống tín chỉ thì mô hình được chọn cần phải thích hợp với cơ cấu giáo dục và thực trạng kinh tế của nó...

...Cho dù có một khung cảnh tong đối thuận lợi cũng ít có khả năng du nhập trực tiếp một hệ thống từ nước ngoài mà không có những cải đổi, không phát triển thêm những cơ sở hạ tầng hỗ trợ và không chuẩn bị một sự hiểu biết tồng minh về bối cảnh mà trong đó hệ thống đã phát triển so với tình trạng mà trong đó nó sẽ được áp dụng...

*Omporn Regel*

**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN**